

Số: 07/2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ VIỄN THÔNG, ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ [Luật Viễn thông](#) ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ [Luật Tần số vô tuyến điện](#) ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ [Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật](#) ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ [Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa](#) ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số [25/2011/NĐ-CP](#) ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số [81/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [25/2011/NĐ-CP](#) và Nghị định số [49/2017/NĐ-CP](#) ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số [127/2007/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số [67/2009/NĐ-CP](#) ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số [127/2007/NĐ-CP](#) và Nghị định số [132/2008/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số [78/2018/NĐ-CP](#) ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [127/2007/NĐ-CP](#) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số [132/2018/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số [74/2018/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [132/2018/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số [107/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số [17/2017/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về hoạt động kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.
2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” (sau đây gọi tắt là tổ chức, doanh nghiệp).
3. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện không thuộc “Danh mục thiết bị viễn

thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thiết bị viễn thông bắt buộc kiểm định là các thiết bị mạng, thiết bị đo lường tính giá cước thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.
2. Đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định là một hoặc tổ hợp thiết bị vô tuyến điện, bao gồm cả thiết bị phụ trợ kèm theo được triển khai để thực hiện nghiệp vụ vô tuyến điện thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.
3. Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc đo kiểm và chứng nhận thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Việc kiểm định không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp đối với chất lượng, an toàn của thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.
4. Chứng nhận thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện là hoạt động thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm định).
5. Giám sát thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm định (sau đây gọi tắt là giám sát) là hoạt động xem xét, đối chiếu thực tế thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện so với hồ sơ thẩm định và đo kiểm trong trường hợp thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện có khả năng gây mất an toàn phơi nhiễm trường điện từ.

Điều 3. Tổ chức kiểm định

Tổ chức kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (sau đây gọi tắt là tổ chức kiểm định) là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động dịch vụ kỹ thuật thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định theo quy định của pháp luật, được Bộ Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm định.

Điều 4. Đơn vị đo kiểm thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện

Đơn vị đo kiểm thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (sau đây gọi là đơn vị đo kiểm) là đơn vị được thành lập, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật và được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định đo kiểm đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Điều 5. Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định

Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” phù hợp với chính sách, yêu cầu quản lý và thực tế phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

Chương II

NỘI DUNG, THỦ TỤC KIỂM ĐỊNH

Điều 6. Các trường hợp kiểm định

1. Kiểm định lần đầu:

Đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”: trước khi đưa thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện vào khai thác sử dụng, tổ chức, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định theo thủ tục quy định tại [Điều 7 của Thông tư này](#).

2. Kiểm định lại:

a) Đối với các thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định: trước ngày hết hạn ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định ít nhất sáu mươi (60) ngày các tổ chức, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định lại theo thủ tục quy định tại [Điều 7 của Thông tư này](#).

b) Đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định: khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật ngoài quy định cho phép hoặc khi có thay đổi công trình xây dựng lân cận dẫn đến mất an toàn phơi nhiễm trường điện từ, Giấy chứng nhận kiểm định đối với thiết bị đó sẽ hết hiệu lực và tổ chức, doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, khắc phục những điểm chưa phù hợp và tiến hành kiểm định lại thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo thủ tục quy định tại [Điều 7 của Thông tư này](#).

c) Trường hợp thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định và có giới hạn an toàn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định: khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật trong quy định cho phép thì tổ chức, doanh nghiệp không phải kiểm định lại và phải chịu trách nhiệm đảm bảo độ an toàn của thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

3. Kiểm định bất thường:

Thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi đã khắc phục xong sự cố hoặc theo nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Điều 7. Thủ tục thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định

1. Hồ sơ thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định bao gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm định theo quy định tại Phụ lục số 01;

b) Kết quả đo kiểm được lập bởi đơn vị đo kiểm quy định tại [Điều 4 của Thông tư này](#);

c) Các tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (trong trường hợp kiểm định lần đầu).

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trực tiếp tại trụ sở của tổ chức kiểm định hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến tổ chức kiểm định hoặc gửi trực tuyến qua các cổng dịch vụ công.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 1 điều này, tổ chức kiểm định phải thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản về việc đã tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 1 điều này và thông báo phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (sau đây gọi tắt là phí thẩm định).

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định tại [Điều 9 của Thông tư này](#), tổ chức kiểm định tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định.

5. Trường hợp có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định, tổ chức kiểm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp nêu rõ điểm không phù hợp. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày có thông báo của tổ chức kiểm định, tổ chức, doanh nghiệp phải khắc phục những điểm không phù hợp và nộp lại hồ sơ cho tổ chức kiểm định để tiếp tục thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định trong mười (10) ngày. Trường hợp không nộp hồ sơ khắc phục đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối tiếp tục thẩm định, không phải hoàn lại phí thẩm định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tổ chức, doanh nghiệp phải niêm yết bản sao Giấy chứng nhận kiểm định tại vị trí dễ nhìn, bên ngoài nhà trạm thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Điều 8. Giám sát thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định

1. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm thực hiện giám sát và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước giám sát các thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định khi đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm thông báo các cơ quan quản lý nhà nước khi phát hiện thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định nhưng không còn phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 9. Phí thẩm định

1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định cho tổ chức kiểm định trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm định thông báo phí thẩm định. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí thẩm định đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối thẩm định và thông báo bằng văn bản tới tổ chức, doanh nghiệp.

2. Phí thẩm định đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp thẩm định theo yêu cầu tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp đối với các thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” thì chi phí thẩm định thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức kiểm định và các tổ chức, doanh nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác kiểm định

1. Cục Viễn thông có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn các Sở Thông tin và Truyền thông, các tổ chức kiểm định, các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện Thông tư này;
- b) Thanh tra, kiểm tra tổ chức, doanh nghiệp và tổ chức kiểm định về việc chấp hành quy định về kiểm định trên phạm vi cả nước;
- c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác kiểm định trên phạm vi cả nước;
- d) Công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Viễn thông thông tin về các tổ chức kiểm định;
- đ) Tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình triển khai công tác kiểm định trên phạm vi cả nước;
- e) Nghiên cứu, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông những chính sách phù hợp liên quan đến công tác kiểm định.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm:

- a) Thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện công tác kiểm định trên địa bàn quản lý theo thực tế và thông tin được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Cục Viễn thông;
- b) Thanh tra, kiểm tra các tổ chức, doanh nghiệp về việc chấp hành quy định về kiểm định trên địa bàn quản lý;
- c) Phát hiện và phản ánh các vấn đề liên quan đến công tác kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện, báo cáo và đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông các biện pháp giải quyết.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức kiểm định

- 1. Thực hiện thẩm định, cấp, giám sát và thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định theo đúng quy định.
- 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu để cập nhật trực tuyến kết quả đo kiểm thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện của đơn vị đo kiểm.
- 3. Công khai trên trang thông tin điện tử về các nội dung liên quan đến kiểm định, bao gồm: các biểu mẫu hồ sơ kiểm định; quy trình thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định; thông tin về thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được cấp, tạm ngừng hoạt động, thu hồi, không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định.
- 4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định.
- 5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định.
- 6. Hàng quý tổng hợp, báo cáo bằng văn bản giấy hoặc điện tử tới Cục Viễn thông tình hình triển khai công tác kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.
- 7. Báo cáo các nội dung có liên quan đến công tác kiểm định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp

- 1. Thực hiện các quy định về kiểm định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.
- 2. Duy trì và đảm bảo sự phù hợp của thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi được kiểm định.
- 3. Trong quá trình sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện, khi phát hiện sự không phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng thì phải tiến hành các biện pháp sau:
 - a) Nhanh chóng khắc phục sự không phù hợp, trong trường hợp **điểm b khoản 2 Điều 6 tại Thông tư này** phải ngừng hoạt động đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện;
 - b) Báo cáo với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý địa bàn có thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện về sự không phù hợp và kết quả

khắc phục sự không phù hợp.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) và của các Sở Thông tin và Truyền thông về công tác kiểm định.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

Đối với các thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã nộp phí thẩm định nhưng chưa được kiểm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, các tổ chức kiểm định phải tiếp tục hoàn thành kiểm định những thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện này theo quy định về kiểm định có hiệu lực tại thời điểm nộp phí thẩm định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và bãi bỏ Thông tư số [16/2011/TT-BTTTT](#) ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức kiểm định, Người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục Viễn thông để xem xét, giải quyết./

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Công thông tin điện tử;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, CVT (250).

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ VIỄN THÔNG, ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN

**(TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH..(1)...

Kính gửi: (tổ chức kiểm định)

1. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp đề nghị kiểm định:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

2. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

3. Đề nghị kiểm định cho.. (1) (danh sách, nội dung kèm theo).

4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: ..(2)..

5. Tài liệu kèm theo bao gồm:

a) Kết quả đo kiểm

b) Tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng..(1)..(trong trường hợp kiểm định lần đầu).

(Tổ chức/Doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

(1) - Tên thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đề nghị kiểm định.

(2) - Tên Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.